

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp HT, xã NHL, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp BD, xã BL, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà K, ông Q đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc Q quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An vào ngày 23/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến cãi nhau. Bà đã trở về sống ở quê mẹ tại xã Nhơn Hòa Lập, huyện Tân Thạnh, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian này, ông Q không tới lui thăm vợ, không quan tâm đến vợ và không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà. Bà nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm, không còn chung sống, không quan tâm đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Quốc Q có 02 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Thị TH, sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị TH, giao cho ông Nguyễn Quốc Q trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Quốc A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Q không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quốc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K thấy rằng, bà K trình bày trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn khiến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q. Ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, điều đó chứng tỏ ông Q đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà K và không có ý muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Quốc Q có 02 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Thị TH, sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị TH, giao cho ông Nguyễn Quốc Q trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Quốc A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu A và cháu TH đều đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại các biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thể hiện cháu TH muốn ở với mẹ, cháu A muốn ở với cha. Nguyện vọng của hai con chung cũng phù hợp với yêu cầu của bà K, nên yêu cầu về nuôi con chung của bà K là có căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, bà K yêu cầu không ai phải cấp dưỡng nuôi con, ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và không có ý kiến về việc cấp dưỡng nên chấp nhận theo yêu cầu của bà K, ông Q và bà K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến, bà K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q. Khi ly hôn bà K được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị TH sinh ngày 10/8/2009, ông Q được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc A sinh ngày 13/5/2008. Bà K và ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q và tranh chấp về quyền nuôi dưỡng con chung, ông Q hiện đang cư trú tại xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng

mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K thấy rằng, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Quốc Q xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An vào ngày 23/3/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Q được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà K cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. sống ở quê mẹ tại xã Nhơn Hòa Lập, huyện Tân Thạnh, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Ông Q từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K. Như vậy chứng tỏ ông Q cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà K. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông Q là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K là có cơ sở nên được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Quốc Q có 02 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Thị TH, sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị TH, giao cho ông Nguyễn Quốc Q trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Quốc A. Cháu A và cháu TH đều đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại biên bản làm việc về việc lấy ý kiến của con chung ngày 17/02/2022, ghi nhận nguyện vọng của cháu TH là được ở với mẹ. Tại biên bản về việc ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung ngày 22/3/2022, ghi nhận nguyện vọng của cháu A là được ở với cha. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của các con chung cũng phù hợp với yêu cầu của bà Nguyễn Thị K, để đảm bảo cho tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của các con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà K về nuôi dưỡng con chung. Theo đó, bà Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị TH, sinh ngày 10/8/2009; ông Nguyễn Quốc Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 13/5/2008. Theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bà K yêu cầu bà và ông Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Vì ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận theo yêu cầu của bà K, ông Q và bà K không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K trình bày trong quá trình chung sống bà và ông Q không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn ông Nguyễn Quốc Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với ông Nguyễn Quốc Q.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Q.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị TH, sinh ngày 10/8/2009; ông Nguyễn Quốc Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 13/5/2008. Bà K và ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi

con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007173 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, bà Nguyễn Thị K đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung